

Trương Thị Thuý Dương và Cộng sự (2022) thực hiện trên 601 phụ nữ độ tuổi sinh đẻ tại phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên (17,6%). Tỷ lệ bỏ bữa sáng trong nghiên cứu của chúng tôi chỉ chiếm 5,2%. Tỷ lệ không duy trì thói quen tập thể dục vẫn còn cao (70,4%) (bảng 3.9). Sau một giấc ngủ dài, dạ dày trống rỗng, cần được bù đắp lại năng lượng và các chất dinh dưỡng. Nếu kéo dài tình trạng ăn thiếu bữa và không ăn bữa sáng có thể dẫn đến cơ thể thiếu chất dinh dưỡng và phải huy động nguồn dinh dưỡng dự trữ, lâu dài sẽ dẫn đến tình trạng thiếu năng lượng trường diễn ở đối tượng này.

Như vậy kiến thức, thái độ và thực hành chung tốt của phụ nữ độ tuổi sinh đẻ về dinh dưỡng hợp lý trong nghiên cứu của chúng tôi chiếm tỷ lệ thấp. Sau một giấc ngủ dài, dạ dày trống rỗng, cần được bù đắp lại năng lượng và các chất dinh dưỡng. Nếu kéo dài tình trạng ăn thiếu bữa và không ăn bữa sáng có thể dẫn đến cơ thể thiếu chất dinh dưỡng và phải huy động nguồn dinh dưỡng dự trữ, lâu dài sẽ dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng. Do đó cần tăng cường truyền thông giáo dục dinh dưỡng nhằm nâng cao kiến thức, thái độ, thực hành cho phụ nữ độ tuổi sinh đẻ 15 - 49, góp phần quan trọng trong cải thiện tình trạng dinh dưỡng của đối tượng này.

#### V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ đối tượng có kiến thức tốt về nguyên nhân và biện pháp phòng tránh thiếu năng lượng kéo dài chưa cao (40,4% và 51,9%). Có 19,9% đối tượng nghiên cứu chỉ ăn 2 bữa trong ngày, tỷ lệ đối tượng duy trì thói quen tập thể dục hằng

ngày hoặc thường xuyên thấp (3,6% và 13,2%).

Kiến thức chung tốt về dinh dưỡng hợp lý ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ tại xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương chiếm tỷ lệ là 48,6%, thái độ chung tốt chỉ chiếm 40,6% và thực hành chung tốt chiếm tỷ lệ thấp 29,4%.

#### VI. KHUYẾN NGHỊ

Tăng cường truyền thông giáo dục dinh dưỡng hợp lý đối tượng phụ nữ độ tuổi sinh đẻ nhằm cải thiện kiến thức, thái độ, thực hành về dinh dưỡng hợp lý của đối tượng phụ nữ độ tuổi sinh đẻ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thanh Luyện, Nguyễn Thị Hồng Diễm, Đặng Kim Anh và Cộng sự (2019), tình trạng dinh dưỡng và khẩu phần ăn 24 giờ của phụ nữ thu nhập thấp tại quận Nam Từ Liêm Hà Nội năm 2019, Tạp chí Nghiên cứu Y học, 140 (4), tr. 203- 211.
2. Trương Thị Thuý Dương, Trần Thị Huyền Trang, Lê Thị Thanh Hoa (2022), Thực trạng dinh dưỡng và kiến thức, thực hành dinh dưỡng hợp lý ở phụ nữ độ tuổi sinh đẻ tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên năm 2021, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 517, tháng 8, số 1, tr.158 - 163.
3. Đinh Phương Hoa, Lê Thị Hợp, Phạm Thị Thúy Hòa (2012), Thực trạng thiếu máu, tình trạng dinh dưỡng và nhiễm giun ở phụ nữ 20-35 tuổi tại 6 xã thuộc huyện Lục Nam, Bắc Giang, Tạp chí Dinh dưỡng và Thực Phẩm, tập 8, số 1, tr. 39 - 45.
4. Viện Dinh dưỡng (2010), Tình hình dinh dưỡng Việt Nam 2009 - 2010, Nhà xuất bản Y học.
5. Neslisah. R.. & Emine. A. Y (2011). Energy and nutrient intake and food patterns among Turkish university students. Nutrition reseach and practice, 5(2), pp. 117-123.

## THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG THÀNH PHỐ NĂM 2022

Lê Thị Hồng Linh<sup>1</sup>, Trần Hồ Trung Tín<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Bích Ngọc<sup>1</sup>, Nguyễn Lâm Thanh Trúc<sup>1</sup>, Lê Thị Yến Phượng<sup>1</sup>

#### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định tỉ lệ hài lòng của thân nhân người bệnh về công tác chăm sóc điều dưỡng tại Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố năm 2022. **Phương pháp:**

<sup>1</sup>Bệnh viện Nhi đồng Thành phố

Chịu trách nhiệm chính: Lê Thị Hồng Linh

Email: lethihonglinh3819@gmail.com

Ngày nhận bài: 10.4.2023

Ngày phản biện khoa học: 22.5.2023

Ngày duyệt bài: 15.6.2023

Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 210 thân nhân người bệnh đang điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố. Bộ câu hỏi thiết kế sẵn được sử dụng để khảo sát sự hài lòng của TNNB về công tác tiếp đón người bệnh, sử dụng thuốc, theo dõi sử dụng thuốc và tư vấn truyền thông giáo dục sức khỏe của Điều dưỡng. Thống kê mô tả được sử dụng để phân tích số liệu. **Kết quả:** Kết quả cho thấy, đa số đối tượng nghiên cứu là nữ, chiếm tỷ lệ 71,9%, tuổi trung bình 34 ( $\pm 3,5$ ) tuổi. Tỷ lệ hài lòng của thân nhân người bệnh về công tác chăm sóc của điều dưỡng ở tất cả các lĩnh vực đều trên 85%. Trong đó, công tác "Tiếp đón người bệnh" chiếm tỷ lệ đạt cao nhất (89,7%),

tiếp theo là công tác "Tư vấn giáo dục sức khỏe" chiếm tỷ lệ 88,6% và công tác "Sử dụng thuốc và theo dõi sử dụng thuốc" chiếm tỷ lệ thấp nhất với 85,6%. Tỷ lệ hài lòng trung bình của thân nhân người bệnh về công tác chăm sóc của điều dưỡng là 88%. Yếu tố có tỷ lệ hài lòng thấp nhất thuộc về "Đề nghị giúp đỡ thêm và cảm ơn" là 75,2%. **Kết luận:** Công tác chăm sóc người bệnh điều trị nội trú của điều dưỡng tại bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố nhìn chung được thân nhân người bệnh đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, tỷ lệ chưa đạt còn cao ở tiêu chí "Sử dụng thuốc và theo dõi sử dụng thuốc" và "Tiếp đón người bệnh". Bệnh viện, Phòng Điều dưỡng và các bên liên quan cần có chiến lược phù hợp để điều dưỡng phát huy những tiêu chí đã thực hiện tốt, đồng thời đề ra biện pháp cải thiện các tiêu chí còn hạn chế.

**Từ khóa:** Hài lòng, điều dưỡng, chăm sóc, Bệnh viện Nhi đồng Thành phố.

## SUMMARY

### THE CURRENT SITUATION OF NURSING CARE AT THE CITY CHILDREN'S HOSPITAL IN 2022

**Objective:** Determining the satisfaction rate of patients' relatives in nursing care at the City Children's Hospital in 2022. **Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 210 patients' relatives being treated at the City Children's Hospital in 2022. A pre-designed questionnaire was used to survey the satisfaction of patient relatives about the patient's reception, drug use, monitoring, and health education counseling of nursing. Descriptive statistics were used to analyze the data. **Results:** The results show that the majority of participants are female, accounting for 71.9%, and the average age is 34 ( $\pm 3,5$ ) years old. The satisfaction rate of participants about nursing care in all fields is over 85%. In which, "Welcoming patients" accounted for the highest rate (89,7%), followed by "Health education counseling" with 88,6% and the "Using drugs and monitoring drug use" accounted for the lowest rate with 85,6%. The average satisfaction rate of patient relatives about nursing care is 88%. The factor with the lowest satisfaction rate belongs to "Ask for more help and thank you" with 75,2%. **Conclusion:** Generally, the nursing inpatient care of the nurses at the City Children's Hospital was evaluated quite well by patient relatives. However, the rate of failure is still high in the criteria "Using drugs and monitoring drug use" and "Welcoming patients". Hospitals, Nursing Departments and other stakeholders need to have an appropriate strategy for nurses to promote the criteria that have been performed well, and propose measures to improve the criteria that are still limited.

**Keywords:** Satisfaction, nurse, care, City Children's Hospital.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tổ chức Y tế thế giới nhận định dịch vụ chăm sóc sức khỏe do Điều dưỡng viên (ĐDV) cung cấp là một trong các trụ cột của hệ thống dịch vụ y tế. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng dịch vụ y tế phải quan tâm nâng cao chất lượng

và hiệu quả các dịch vụ chăm sóc điều dưỡng. Nếu bác sĩ phụ trách chính về nhiệm vụ điều trị cho người bệnh, thì người điều dưỡng chính là người chăm sóc, hỗ trợ cho các cá nhân ở mọi lứa tuổi, gia đình, nhóm và cộng đồng, dù ốm đau hay khỏe mạnh và trong mọi môi trường về cả thể chất lẫn tinh thần [1]. Tại Việt Nam, Thông tư số 31/2021/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc Quy định hoạt động Điều dưỡng trong bệnh viện [2] và nhiều nghiên cứu khác như nghiên cứu của tác giả Nguyễn Ngọc Hòa (2021) [3], Văn Thị Mỹ Hoàng (2021) [4] đã nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của Điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố (BVNĐTP) là bệnh viện chuyên khoa Nhi hạng I, tuyến cuối của Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), làm nhiệm vụ như bệnh viện tuyến trung ương, với quy mô giường bệnh là 1.000 giường. Theo báo cáo hoạt động quý II năm 2022, bệnh viện tiếp nhận 141.806 lượt khám và 9.886 người bệnh nội trú. Báo cáo cho thấy, số lượt khám tăng 75% so với cùng kỳ năm 2021, tăng 83% so với quý I/2022, trung bình 1.557 lượt/ngày và số lượt người bệnh nội trú tăng 64% so với cùng kỳ năm 2021, tăng 60% so với quý I/2022, trung bình 110 lượt/ngày. Với tình hình thực tế tại Bệnh viện, công tác chăm sóc của Điều dưỡng khối lâm sàng phải đối diện với nhiều áp lực từ người bệnh, từ những căng thẳng xung quanh công tác chăm sóc. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định tỷ lệ hài lòng của TNNB về công tác chăm sóc của Điều dưỡng của Bệnh viện nhằm cung cấp bằng chứng khoa học ý nghĩa về thực trạng công tác chăm sóc của Điều dưỡng, từ đó có kế hoạch đề ra các giải pháp cải tiến chất lượng nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ, chăm sóc người bệnh tại bệnh viện.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang

**Thời gian, địa điểm nghiên cứu:** nghiên cứu được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2022 tại 3 khoa lâm sàng (khoa Ngoại thần kinh, khoa Nhiễm, khoa Cấp cứu) bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố.

**Đối tượng nghiên cứu.** Thân nhân người bệnh (TNNB) đang điều trị tại 3 khoa lâm sàng trong BVNĐTP. TNNB trong nghiên cứu này là người chăm sóc trẻ điều trị nội trú tại Bệnh viện trong thời gian nghiên cứu như cha, mẹ, ông, bà, hoặc người thân chăm sóc trẻ. Mỗi trẻ điều trị nội

trú mời 01 thân nhân tham gia nghiên cứu.

**Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Cỡ mẫu được xác định dựa vào công thức ước lượng một tỷ lệ:

$$N = \frac{P(1-P)X(Z1-\frac{\alpha}{2})^2}{d^2}$$

N: cỡ mẫu

Z1: trị số từ phân phối chuẩn z

a: hệ số tin cậy 95% = 0,05

p: trị số ước lượng kết quả mong đợi p = 0,5

d: độ chính xác sai số cho phép d = 0,07 [5].

Dựa vào công thức, cỡ mẫu tối thiểu cần có trong nghiên cứu này là 191. Số mẫu thực tế của nghiên cứu là 210 TNNB. Tại thời điểm tiến hành nghiên cứu, Bệnh viện có 16 khoa lâm sàng điều trị bệnh nội trú, chia thành 3 khối gồm: Cấp cứu hồi sức, khối Nội và khối Ngoại. Các khoa trong mỗi khối được đánh số thứ tự và rút thăm ngẫu nhiên 3 khoa đại diện 3 khối để lấy mẫu. Thống kê kết quả thực hiện KPI quý 2 năm 2022 của Bệnh viện, công suất sử dụng giường tại khoa Ngoại thần kinh (105%), khoa Nhiễm (98%), khoa Cấp cứu (58%). Số mẫu lấy tại mỗi khoa tương ứng lần lượt là 84 mẫu, 79 mẫu và 47 mẫu.

**Tiêu chí chọn mẫu.** Người chăm sóc trẻ bị bệnh đang điều trị nội trú tại 3 khoa lâm sàng, BVNĐTP trong thời gian khảo sát, từ đủ 18 tuổi trở lên, có thể đọc và hiểu tiếng Việt, giao tiếp được và đồng ý tham gia nghiên cứu.

**Tiêu chí loại trừ:** Đối tượng nghiên cứu (ĐTNC) không tiếp cận được bộ câu hỏi

**Công cụ thu thập số liệu.** Bộ câu hỏi gồm 2 phần:

**Phần 1:** Thông tin cá nhân: Gồm tuổi, giới tính, quan hệ của người chăm sóc với trẻ.

**Phần 2:** Khảo sát sự hài lòng của TNNB về công tác chăm sóc điều dưỡng, gồm 14 câu tham khảo từ bộ câu hỏi trong nghiên cứu của Văn Thị Mỹ Hoàng [4] có cải tiến dựa trên các quy định tại Thông tư số 31/2021/TT-BYT Quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện [2]. Bộ câu hỏi chia thành 3 hoạt động chính: Tiếp đón người bệnh (5 câu), Sử dụng thuốc và theo

đổi sử dụng thuốc (3 câu) và Tư vấn giáo dục sức khỏe (6 câu). Phương án lựa chọn theo 5 mức độ từ 1 (không thực hiện) đến 5 (thực hiện rất tốt) với Thực hiện tốt hoặc rất tốt là đạt hay có hài lòng. Bộ câu hỏi được gửi cho 3 chuyên gia đánh giá, tính giá trị CVI = 0,98. Độ tin cậy của bộ câu hỏi trong nghiên cứu này Cronbach's Alpha = 0,82.

**Quy trình thu thập số liệu.** Nghiên cứu viên (NCV) gặp gỡ ĐTNC tại phòng họp khoa, giới thiệu, giải thích, cung cấp các thông tin về nghiên cứu và mời tham gia nghiên cứu. Sau khi ĐTNC ký phiếu đồng thuận tham gia, NCV phát bộ câu hỏi, hướng dẫn trả lời và trả lời những thắc mắc của ĐTNC nếu có. Bộ câu hỏi sau khi trả lời xong được thu lại, kiểm tra và cất vào tủ có khóa.

**Đạo đức nghiên cứu.** Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng đạo đức BVNĐTP số 366/QĐ-BVNĐTP ngày 24 tháng 5 năm 2022.

**Xử lý và phân tích số liệu:** Số liệu sau khi thu thập được làm sạch, mã hóa và được xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 18.0. Thống kê mô tả được sử dụng để phân tích số liệu.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

**Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (N=210)**

	n	%
<b>Giới tính</b>		
Nữ	151	71,9
Nam	59	18,1
<b>Khoa</b>		
Khoa Ngoại Thần kinh	84	40,0
Khoa Nhiễm	79	37,6
Khoa Cấp cứu	47	22,4
Tuổi: 34 (±3,5), Nhỏ nhất-lớn nhất: 19-54		

#### 3.2. Thực trạng công tác chăm sóc của điều dưỡng qua nhận xét của ĐTNC

##### 3.2.1. Công tác tiếp đón người bệnh

**Bảng 2. Công tác tiếp đón người bệnh**

Nội dung	Chưa đạt n (%)				Đạt n (%)		
	Không thực hiện	Thực hiện không tốt	Thực hiện bình thường	Chung	Thực hiện tốt	Thực hiện rất tốt	Chung
Thực hiện đón tiếp niềm nở, chu đáo	0 (0,0)	0 (0,0)	8 (4,1)	8 (4,1)	102 (52,9)	83 (43,0)	185 (95,9)
Giới thiệu tên và chức vụ	4 (2,1)	7 (3,6)	10 (5,2)	21 (10,9)	105 (54,4)	67 (34,7)	172 (89,1)
Hướng dẫn các thủ tục hành chính	0 (0,0)	1 (0,5)	6 (3,1)	7 (3,7)	102 (52,8)	84 (43,5)	186 (96,3)

Thực hiện lấy mạch, nhiệt độ	0 (0,0)	0 (0,0)	15 (7,8)	15 (7,8)	91 (47,2)	87 (45,0)	178 (92,2)
Đề nghị giúp đỡ thêm và cảm ơn	8 (4,1)	13 (6,7)	27 (14,0)	48 (24,8)	75 (38,9)	70 (36,3)	145 (75,2)
<b>Tổng</b>				<b>10,3%</b>			<b>89,7%</b>

Kết quả cho thấy trung bình tỷ lệ đạt trong công tác tiếp đón người bệnh của điều dưỡng qua nhận xét của ĐTNC là 89,7%. Hoạt động "Hướng dẫn các thủ tục hành chính" chiếm tỷ lệ đạt cao nhất 96,3%, trong đó 52,8% đánh giá thực hiện tốt và 43,5% đánh giá thực hiện rất

tốt. Hoạt động "Đề nghị giúp đỡ thêm và cảm ơn" có tỷ lệ không đạt cao nhất 24,8% (trong đó không thực hiện là 4,1%, thực hiện không tốt là 6,7% và thực hiện bình thường là 14%).

### 3.2.2. Công tác sử dụng thuốc và theo dõi sử dụng thuốc

**Bảng 3. Công tác sử dụng thuốc và theo dõi sử dụng thuốc**

Nội dung câu hỏi	Chưa đạt n (%)				Đạt n (%)		
	Không thực hiện	Thực hiện không tốt	Thực hiện bình thường	Chung	Thực hiện tốt	Thực hiện rất tốt	Chung
Thông báo rõ tên thuốc, liều dùng, tác dụng của thuốc được sử dụng trong ngày	0 (0,0)	6 (3,1)	24 (12,4)	30 (15,5)	92 (47,6)	71 (36,7)	163 (84,4)
Phát thuốc đúng giờ và hướng dẫn cách sử dụng	0 (0,0)	2 (1,0)	21 (10,8)	23 (11,9)	96 (49,7)	74 (38,3)	170 (88,0)
Thực hiện cho người bệnh uống thuốc tại giường trước sự chứng kiến của điều dưỡng viên	5 (2,5)	3 (1,5)	22 (11,4)	30 (15,5)	84 (43,5)	79 (40,9)	163 (84,4)
<b>Tổng</b>				<b>14,4%</b>			<b>85,6%</b>

Kết quả cho thấy trung bình tỷ lệ đạt của công tác sử dụng thuốc và theo dõi sử dụng thuốc là 85,6%. Trong đó, hoạt động "Phát thuốc đúng giờ và hướng dẫn cách sử dụng" chiếm tỷ lệ đạt cao nhất với 88%. Các hoạt động còn lại cùng đạt 84,4%. Các tiêu chí trong "Công tác sử dụng thuốc và theo dõi sử dụng thuốc" có tỷ lệ đạt chênh lệch nhau không nhiều.

### 3.2.3. Công tác Tư vấn giáo dục sức khỏe

**Bảng 4. Công tác tư vấn giáo dục sức khỏe**

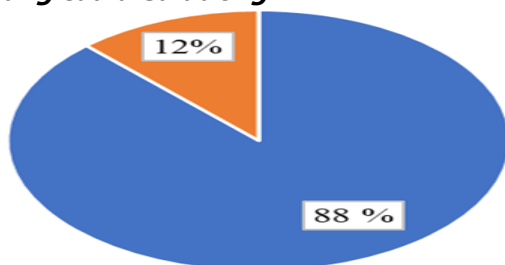
Nội dung câu hỏi	Chưa đạt n (%)				Đạt n (%)		
	Không thực hiện	Thực hiện không tốt	Thực hiện bình thường	Chung	Thực hiện tốt	Thực hiện rất tốt	Chung
Hướng dẫn thực hiện vệ sinh cá nhân trong quá trình nằm viện	1 (0,5)	1 (0,5)	18 (9,3)	20 (10,3)	94 (48,7)	79 (40,9)	173 (89,6)
Hướng dẫn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	2 (1,0)	3 (1,5)	20 (10,3)	25 (12,9)	89 (46,1)	79 (40,9)	168 (87,0)
Thông tin về tình trạng sức khỏe của người bệnh	1 (0,5)	1 (0,5)	14 (7,2)	16 (8,2)	94 (48,7)	83 (43,0)	177 (91,7)
Hướng dẫn và hỗ trợ tập luyện, phục hồi chức năng	2 (1,0)	0 (0,0)	19 (9,8)	21 (10,8)	93 (48,1)	79 (40,9)	172 (89,1)
Hướng dẫn cách tự theo dõi bệnh trong và sau quá trình điều trị	0 (0,0)	0 (0,0)	20 (10,3)	20 (10,3)	91 (47,1)	82 (42,4)	173 (89,6)
Hướng dẫn phòng bệnh trong khi nằm viện và sau khi xuất viện	0 (0,0)	0 (0,0)	30 (15,5)	30 (15,5)	80 (41,4)	83 (43,0)	163 (84,4)
<b>Tổng</b>				<b>11,4%</b>			<b>88,6%</b>

Kết quả cho thấy trung bình tỷ lệ đạt của công tác tư vấn giáo dục sức khỏe là 88,6%.

Trong đó, hoạt động "Thông tin về tình trạng sức khỏe của người bệnh" chiếm tỷ lệ cao nhất với

91,7% và "Hướng dẫn phòng bệnh trong khi nằm viện và sau khi xuất viện" có tỷ lệ đạt thấp nhất là 84,4% (trong đó, Thực hiện tốt là 41,4% và Thực hiện rất tốt là 43,0%).

### 3.2.4. Tỷ lệ thực hiện công tác chăm sóc chung của điều dưỡng



■ Đạt ■ Không đạt

#### Sơ đồ 1: Tỷ lệ đạt chung trong công tác chăm sóc của điều dưỡng (N=210)

Kết quả cho thấy tỷ lệ đạt chung của công tác chăm sóc điều dưỡng là 88% và tỷ lệ không đạt là 12%.

## IV. BÀN LUẬN

Theo nhận xét từ ĐTNC, tiêu chí "Hướng dẫn các thủ tục hành chính" có tỷ lệ đạt cao nhất với 96,3%, kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hiền (2020) tại bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh [6]. Hoạt động "Thực hiện tiếp đón niềm nở, chu đáo" tỷ lệ đạt 95,9%, cao hơn so với nghiên cứu Bùi Thị Bích Nga (2011) về thực trạng công tác chăm sóc của điều dưỡng qua nhận xét của người bệnh điều trị nội trú tại bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương năm 2011, có tỷ lệ tiếp đón người bệnh đạt là 78,9% [7]. Tương tự, kết quả nghiên cứu của Matziou và cộng sự (2011) tại một bệnh viện nhi ở Hy Lạp, khảo sát trên 206 phụ huynh cho thấy họ hài lòng với thái độ của nhân viên và điều trị y tế, tuy nhiên ít hài lòng hơn với thông tin liên quan đến thói quen và môi trường làm việc của nhân viên [8]. Tại BVNĐTP, mô thức giao tiếp của nhân viên trong bệnh viện đã được chuẩn hóa từ những năm đầu khi bệnh viện đi vào hoạt động. Các lớp tập huấn về mô thức giao tiếp được tổ chức hàng năm và cũng là tiêu chí đánh giá khen thưởng cho nhân viên đang công tác tại bệnh viện.

Hoạt động "Thông báo rõ tên thuốc, liều dùng, tác dụng của thuốc được sử dụng trong ngày" của điều dưỡng có tỷ lệ đạt tương đối thấp (84,4%) so với các hoạt động khác và thấp hơn so với nghiên cứu Nguyễn Thị Hiền về đánh giá bước đầu kết quả chăm sóc toàn diện cho người

bệnh tại khoa ngoại sản bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh có 93,3% người bệnh đánh giá đạt về công tác thực hiện thuốc, hướng dẫn cách sử dụng thuốc và công khai thuốc vật tư tiêu hao [6]. Ngoài ra, kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu Phạm Thị Hồng Nương (2018) về hiệu quả của việc nâng cao kỹ năng chăm sóc bằng thuốc của điều dưỡng tại bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp khi chỉ có 49,9% có hướng dẫn giải thích người bệnh cách sử dụng thuốc phù hợp [9]. Nguyên nhân dẫn đến tiêu chí này được đánh giá thấp có thể do bệnh đông, nhân sự thiếu, điều dưỡng cần phải thực hiện khối lượng công việc nhiều nên không có đủ thời gian để thông báo cụ thể tên thuốc, liều dùng và tác dụng một số loại thuốc cho TNNB.

Hoạt động "Hướng dẫn phòng bệnh trong khi nằm viện và sau khi xuất viện" có tỷ lệ đạt thấp nhất trong các hoạt động của công tác tư vấn giáo dục sức khỏe (84,4%). Về "Công tác tư vấn giáo dục sức khỏe" được đánh giá từ TNNB có tỷ lệ đạt chung chiếm 88,6%. Kết quả này có sự khác biệt so với nghiên cứu của Esfandiari và cộng sự (2019) tại Iran khi sự hài lòng nhất liên quan đến "điều trị và sự tập trung", "các biện pháp quản lý để hạ sốt cho bệnh nhi", tuy nhiên mức độ hài lòng thấp nhất liên quan đến "việc trả lời đầy đủ các câu hỏi về nuôi dạy con cái", và "câu trả lời cho các câu hỏi về tình hình của người bệnh trong ngôn ngữ dễ hiểu" [10]. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy bệnh viện đang thực hiện công tác giáo dục sức khỏe khá tốt, nhưng vẫn có thể thực hiện tốt hơn nữa nếu đề ra các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

## V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Công tác chăm sóc người bệnh điều trị nội trú của điều dưỡng Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố theo nhận xét của TNNB có tỷ lệ chung đạt khá cao với 88%. Tuy nhiên, tỷ lệ chưa đạt còn tương đối cao ở một số hoạt động như "Sử dụng thuốc và theo dõi sử dụng thuốc" là 14,3%. Bệnh viện, Phòng Điều dưỡng và các bên liên quan cần có chiến lược phù hợp để điều dưỡng của Bệnh viện phát huy những tiêu chí đã thực hiện tốt, đồng thời đề ra biện pháp cải thiện các tiêu chí còn hạn chế.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **International Council of Nurses website.** 2002, accessed 02/01/2023, <https://www.icn.ch/nursing-policy/nursing-definitions>
2. **Bộ Y tế.** "Thông tư 31/2021/TT-BYT Quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện", Hà Nội. 2021

3. Nguyễn Thị Hoàng Yến, Võ Hồng Khôi, Nguyễn Ngọc Hòa. Sự hài lòng người bệnh về giao tiếp của người Điều dưỡng. Tạp chí Y học Việt Nam, 506(1). <https://doi.org/10.51298/vmj.v506i1.1164>
4. Văn Thị Mỹ Hoàng (2021). Thực trạng công tác chăm sóc người bệnh của điều dưỡng tại khoa nội tim mạch thần kinh Viện y dược học dân tộc thành phố Hồ Chí Minh năm 2021. Đề tài cấp cơ sở Viện Y dược học dân tộc thành phố Hồ Chí Minh năm 2021.
5. Dương Thị Bình Minh (2012). Thực trạng công tác chăm sóc điều dưỡng người bệnh tại các khoa lâm sàng bệnh viện Hữu Nghị năm 2012.
6. Nguyễn Thị Hiền (2020). Đánh giá bước đầu kết quả chăm sóc toàn diện cho người bệnh tại khoa ngoại sản - Bệnh viện Đa khoa Mê Linh năm 2019. Đề tài cấp cơ sở Bệnh viện Đa khoa Mê Linh năm 2020.
7. Bùi Thị Bích Nga (2011). Thực trạng công tác chăm sóc Điều dưỡng qua nhận xét của người bệnh điều trị nội trú tại bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương Năm 2011. Luận văn Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
8. Matziou, V., Boutopoulou, B., Chrysostomou, A., Vlachioti, E., Mantziou, T., & Petsios, K. Parents' satisfaction concerning their child's hospital care. Japan Journal of Nursing Science 2011; 8(2), 163-173. doi:10.1111/j.1742-7924.2010.00171.x
9. Phạm Thị Hồng Nương (2018). Hiệu quả các giải pháp nâng cao các kỹ năng chăm sóc bằng thuốc của điều dưỡng bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp năm 2018. Kỷ yếu nghiên cứu khoa học, Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp. 2018; Tr. 144 – 152.
10. Esfandiari RH, Shabestari AA. Mothers' Satisfaction with Hospital Care in Children. Annals of Medical and Health Sciences Research 2019; 9 (3): 608- 613.

## NGHIÊN CỨU NỒNG ĐỘ VÀ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CREATININ HUYẾT THANH, EGFR VỚI MỘT SỐ CẬN LÂM SÀNG Ở BỆNH NHÂN VIÊM TỤY CẤP TẠI BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

Trần Thanh Hưng<sup>1</sup>, Phạm Hùng Phong<sup>1</sup>, Hồ Tấn Phát<sup>1</sup>,  
Võ Duy Thông<sup>1,2</sup>, Diệp Thị Mộng Tuyền<sup>1</sup>, Trần Thị Kim Thảo<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định nồng độ và mối tương quan của creatinin huyết thanh, mức lọc cầu thận ở thời điểm 24 giờ và 48 giờ đầu với một số cận lâm sàng ở bệnh nhân viêm tụy cấp. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 97 bệnh nhân viêm tụy cấp được chẩn đoán và điều trị tại khoa Nội Tiêu Hóa và khoa Chăm Sóc Đặc Biệt của Bệnh viện Chợ Rẫy từ tháng 02/2015 đến 06/2016. **Kết quả:** Nồng độ BUN trung bình  $35,20 \pm 30$  mg/dL với nhóm viêm tụy nặng,  $12,88 \pm 6,90$  mg/dL với nhóm viêm tụy nhẹ ( $p < 0,001$ ). eGFR với điểm Balthazar ( $p < 0,05$ ) và amylase có mối tương quan nghịch. Nồng độ Creatinin ở nhóm viêm tụy nặng trung bình là  $2,43 \pm 1,82$  mg/dL, ở nhóm viêm tụy nhẹ là  $1,07 \pm 0,20$  mg/dL ( $p < 0,001$ ). Nồng độ eGFR ở nhóm viêm tụy nặng là  $40,45 \pm 17,80$  mL/phút, nhóm viêm tụy nhẹ trung bình là  $58,78 \pm 4,12$  mL/phút ( $p < 0,001$ ). Có mối liên quan thuận giữa nồng độ creatinin với mức độ nặng viêm tụy cấp, ghi nhận AUC của eGFR là 0,840 (với  $p < 0,001$ ; KTC: 0,746-0,934), Creatinin có AUC là 0,855 (với  $p < 0,001$ ; KTC: 0,759 – 0,951); eGFR: Điểm cắt 54,41 mL/phút với độ nhạy là 92%,

độ chuyên là 75%; Creatinin: Điểm cắt 1,5 mg/dL với độ nhạy là 74,5%, độ chuyên là 100%. **Kết luận:** Creatinin có mối tương quan thuận và mức lọc cầu thận có tương quan nghịch với mức độ nặng của viêm tụy cấp. **Từ khóa:** Viêm tụy cấp, eGFR, creatinin

### SUMMARY

#### RESEARCH OF CONTENTS AND CORRELATION BETWEEN SERUM CREATININE AND eGFR WITH SOME CLINICAL LABORATORIES IN PATIENTS WITH ACUTE PANCREATITIS AT CHO RAY HOSPITAL

**Objectives:** To determine the concentration and correlation of serum creatinine and glomerular filtration rate at 24 hours and the first 48 hours with some laboratory tests in patients with acute pancreatitis. **Methods:** A descriptive cross-sectional study on 97 patients with acute pancreatitis diagnosed and treated at the Department of Gastroenterology and Special Care of Cho Ray Hospital from February 2015 to June 6. 2016. **Results:** The mean BUN concentration was  $35.20 \pm 30$  mg/dL with the severe pancreatitis group and  $12.88 \pm 6.90$  mg/dL with the mild pancreatitis group ( $p < 0.001$ ). eGFR with Balthazar score ( $p < 0.05$ ) and amylase were negatively correlated. The mean creatinine concentration in the severe pancreatitis group was  $2.43 \pm 1.82$  mg/dL. In the mild pancreatitis group, it was  $1.07 \pm 0.20$  mg/dL ( $p < 0.001$ ). The eGFR concentration in the severe pancreatitis group was  $40.45 \pm 17.80$  mL/min, and the average mild pancreatitis group was  $58.78 \pm 4.12$  mL/min ( $p <$

<sup>1</sup>Bệnh viện Chợ Rẫy

<sup>2</sup>Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh  
Chịu trách nhiệm chính: Trần Thanh Hưng  
Email: thanhhung1436@gmail.com  
Ngày nhận bài: 13.4.2023  
Ngày phản biện khoa học: 25.5.2023  
Ngày duyệt bài: 19.6.2023